

Số: /BC-BKTNS

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc đầu tư xây dựng, công tác quản lý, vận hành và hiệu quả sử dụng các công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Chương trình số 04/CTr-BKTNS ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách về giám sát, khảo sát của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2022, Ban Kinh tế - Ngân sách đã tổ chức giám sát việc đầu tư xây dựng, công tác quản lý, vận hành và hiệu quả sử dụng các công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh. Kết quả giám sát như sau:

I. Kết quả đạt được

1. Về công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện

- Căn cứ các quy định, hướng dẫn của Trung ương⁽¹⁾, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa tổ chức triển khai thực hiện; phê duyệt rà soát, điều chỉnh, cập nhật, bổ sung quy hoạch công trình CNSNT tỉnh Kon Tum đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025⁽²⁾; chỉ đạo các sở, ngành liên quan và các địa phương tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước tập trung; hướng dẫn về đầu tư, quản lý, vận hành các công trình CNSNT trên địa bàn tỉnh để các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; xây dựng, hoàn thiện quy trình vận hành công trình và bàn giao đầy đủ quy trình vận hành, bảo dưỡng công trình cho đơn vị quản lý công trình.

- Công tác tuyên truyền⁽³⁾, tập huấn hướng dẫn⁽⁴⁾ về lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (NS&VSMTNT) được các Sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh quan tâm triển khai thực hiện.

⁽¹⁾ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn; Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 27/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; Thông tư số 54/2013/TTT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế và Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Thông tư Liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Liên Bộ: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá thành nước sạch sinh hoạt.

⁽²⁾ Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của UBND tỉnh.

⁽³⁾ Như: Hưởng ứng Tuần lễ quốc gia và nước sạch và vệ sinh môi trường hàng năm; triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn và công tác xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình. Đồng thời, thực hiện tốt công tác truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của nhân dân chủ yếu được thực hiện qua các phương tiện thông tin đại chúng, như: Báo, Đài Phát thanh, Đài Truyền hình, áp phích, tờ rơi;...

⁽⁴⁾ Giai đoạn 2016 - 2021, tổ chức hội thảo, tập huấn 48 lớp với 1.277 người tham gia, tổng kinh phí cho các hoạt động là 1.415,973 triệu đồng (Tổ chức hội thảo, tập huấn: Công tác Xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình; công tác quản lý, vận hành các công trình cấp nước nông thôn, công tác Thông tin - Giáo dục - Truyền thông, Sổ tay

2. Việc đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác các công trình CNSNT trên địa bàn tỉnh

- Công trình CNSNT tập trung: 312 công trình, phân theo loại hình quản lý các công trình cấp nước tập trung nông thôn:

- + Loại hình cộng đồng quản lý: 298 công trình.
- + Loại hình đơn vị sự nghiệp quản lý: 13 công trình.
- + Loại hình Doanh nghiệp quản lý: 01 công trình.

- Công trình cấp nước nhỏ lẻ (*giếng đào, giếng khoan...*): 62.855 công trình, phần lớn do hộ gia đình đầu tư, quản lý sử dụng.

2.1. Công tác đầu tư xây dựng các công trình CNSNT tập trung trên địa bàn tỉnh:

Theo báo cáo của UBND tỉnh, giai đoạn từ năm 2016 đến nay, tổng số công trình CNSNT (*công trình cấp nước tập trung và công trình cấp nước nhỏ lẻ*) được đầu tư, nâng cấp, sửa chữa là 70 công trình⁽⁵⁾. Công tác quản lý đầu tư, xây dựng, vận hành chạy thử, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng, quyết toán công trình hoàn thành được các cấp, các ngành thực hiện theo quy định hiện hành⁽⁶⁾.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

2.2. Công tác quản lý, vận hành và sử dụng các công trình CNSNT tập trung trên địa bàn tỉnh:

Theo báo cáo của UBND tỉnh và công bố kết quả cập nhật Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá về nước sạch nông thôn của UBND tỉnh năm 2021, hiện trạng hoạt động 312 công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh hiện nay: hoạt động bền vững: 24,68% (77 công trình); tương đối bền vững: 33,01% (103 công trình); kém hiệu quả: 33,33% (104 công trình); không hoạt động: 8,97% (28 công trình). Nhìn chung, các công trình do các đơn vị sự nghiệp công lập quản lý đều có hệ thống xử lý nước sạch hoàn chỉnh, công nghệ tương đối hiện đại; công tác kiểm nghiệm chất lượng nước được thực hiện theo quy định. Về ban hành giá nước và thu tiền sử dụng nước: Từ năm 2016 đến nay, Ủy ban

hướng dẫn thực hiện Chương trình (POM); công tác lồng ghép giới và dân tộc thiểu số thuộc Chương trình Mở rộng quy mô VS&NSNT dựa trên kết quả, ...).

⁽⁵⁾ Trong đó: 32 công trình cấp nước tập trung được đầu tư xây dựng mới và tu sửa, nâng cấp, mở rộng từ nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) thuộc Chương trình Mở rộng quy mô VS&NSNT dựa trên kết quả; 38 công trình CNSNT được đầu tư từ các nguồn vốn của Chương trình MTQG, Chương trình 135,...

⁽⁶⁾ Thông tư 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

nhân dân tỉnh đã ban hành biểu giá nước sạch sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Kon Tum đối với 03 đơn vị sự nghiệp công lập⁽⁷⁾.

3. Việc thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình CNSNT

Trên cơ sở các chính sách ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ đầu tư và quản lý, khai thác công trình CNSNT của Trung ương⁽⁸⁾ và địa phương⁽⁹⁾ trong việc phát triển mạng lưới CNSNT trên địa bàn tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy các chính sách cơ bản được triển khai thực hiện, tuy nhiên những chính sách liên quan trực tiếp đến việc quản lý, vận hành (*hỗ trợ cấp bù giá nước, chuyển đổi mô hình quản lý nước sạch*) vẫn chưa đạt hiệu quả cao.

4. Nguồn kinh phí thực hiện

Tổng nguồn vốn thực hiện đầu tư, hỗ trợ triển khai thực hiện các công trình CNSNT trên địa bàn tỉnh từ năm 2016 đến nay là **216.167 triệu đồng**. Trong đó, vốn đầu tư **195.010 triệu đồng**; vốn sự nghiệp **21.157 triệu đồng**. Cụ thể:

- Ngân sách Trung ương: **156.592 triệu đồng** (trong đó, Chương trình Mở rộng quy mô VS&NSNT dựa trên kết quả: 142.817 triệu đồng⁽¹⁰⁾);

- Ngân sách địa phương: **31.487 triệu đồng** (trong đó, Chương trình Mở rộng quy mô VS&NSNT dựa trên kết quả: 27.777 triệu đồng⁽¹¹⁾);

- Nguồn vay từ nguồn cho vay lại của Chính phủ thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô VS&NSNT dựa trên kết quả: **16.401 triệu đồng**;

- Nguồn huy động khác: **11.688 triệu đồng**.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

5. Về hiệu quả đầu tư

* *Hiệu quả kinh tế:*

- Tổng số xã có công trình cấp nước tập trung là 70 xã/86 xã, đạt tỷ lệ 81,4%; tổng số hộ được cấp nước hợp vệ sinh là 85.870 hộ⁽¹²⁾, đạt tỷ lệ 91,1%,

⁽⁷⁾ Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 ban hành biểu giá nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 ban hành biểu giá nước sinh hoạt do Nhà máy nước khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, huyện Ngọc Hồi và Nhà máy cấp nước thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum cung cấp.

⁽⁸⁾ Chính sách ưu đãi tín dụng (*Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004; số 18/2014/QĐ-TTg ngày 03/3/2014 và Quyết định số 1205/QĐ-TTg ngày 19/9/2018*)

⁽⁹⁾ - HĐND tỉnh ban hành: Nghị quyết số 48/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 về quy định mức chi cho công tác theo dõi, đánh giá Bộ chỉ số nước sạch nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nước ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 về quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh (*trong đó NSNN hỗ trợ hạng mục đầu tư Giếng đào*).

- Các chính sách do UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện: Chính sách xã hội hóa và chuyển đổi mô hình quản lý nước sạch nông thôn; Chính sách bù giá nước nông thôn.

⁽¹⁰⁾ Vốn đầu tư: 131.197 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 11.620 triệu đồng.

⁽¹¹⁾ Vốn đầu tư: 19.917 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 7.860 triệu đồng.

⁽¹²⁾ Hộ gia đình sử dụng công trình cấp nước tập trung: 28.000 hộ; hộ gia đình sử dụng công trình cấp nước nhỏ lẻ: 57.870 hộ.

trong đó, tổng số hộ nghèo được sử dụng nước hợp vệ sinh 11.136 hộ, đạt tỷ lệ 82,4%.

- Tổng số xã chưa có công trình cấp nước tập trung 16/86 xã; tổng số hộ chưa được cấp nước hợp vệ sinh là 8.413 hộ, tỷ lệ 8,9%

(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)

II. Đánh giá chung

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các cấp, việc đầu tư các công trình CNSNT tập trung cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước nông thôn của người dân, góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân trên địa bàn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số gặp khó khăn về nguồn nước sinh hoạt. Giải quyết nhu cầu thiếu nước sinh hoạt, nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng nước hợp vệ sinh, nâng cao chất lượng cuộc sống, sức khỏe cho nhân dân.

- Công tác quy hoạch, điều chỉnh, cập nhật, bổ sung quy hoạch CNSNT được UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện chặt chẽ; đồng thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện các nội dung liên quan đến việc quản lý, vận hành, sử dụng hiệu quả các công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh.

- Nguồn lực đầu tư các công trình CNSNT trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2016-2021 được quan tâm dặt từ nhiều nguồn vốn, chương trình.

- Công tác triển khai tuyên truyền, tập huấn được thực hiện quy mô, đa dạng về hình thức tổ chức.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh kết quả đạt được và các tồn tại, hạn chế đã nêu trong các báo cáo của UBND tỉnh và các cơ quan, địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy một số khó khăn, tồn tại, hạn chế. Cụ thể:

** Đối với các công trình cấp nước đầu tư từ nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) thuộc Chương trình Mở rộng quy mô VS&NSNT dựa trên kết quả (do các huyện, thành phố làm chủ đầu tư)*

- Việc đầu tư mới các công trình CNSNT còn trùng lặp với một số công trình CNSNT đã được đầu tư trước đó từ nhiều chương trình, dự án khác, hiện tại hư hỏng, xuống cấp, không còn hoạt động hoặc hoạt động kém hiệu quả nhưng chưa được xử lý theo quy định của pháp lý về quản lý tài sản công⁽¹³⁾.

- Một số công trình CNSNT đầu tư mới sử dụng nguồn nước của các đập dâng, đập đầu mối của các công trình cấp nước, công trình thủy lợi đầu tư trước

⁽¹³⁾ Công trình tại Thôn 4, xã Đăk Pnê; Thôn 9, xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy. Công trình tại các Thôn Đăk Chờ, Đăk Nu, Đăk No, Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô.

đây, không đủ nguồn cung cấp nước, đường ống dẫn nước không đảm bảo, việc đầu nối thiếu đồng bộ, không phù hợp, công tác quản lý bảo vệ chưa được quan tâm, công trình bị đập phá, hư hỏng⁽¹⁴⁾,... dẫn đến công trình hoạt động không hiệu quả, chất lượng nước không đạt yêu cầu.

- Công tác bàn giao đưa vào khai thác sử dụng một số công trình CNSNT còn chậm, giảm hiệu quả đầu tư sử dụng⁽¹⁵⁾, việc xây dựng phương án thu tiền nước gặp khó khăn, thiếu sự thống nhất, đồng bộ trên địa bàn toàn tỉnh, khó triển khai.

- Việc đầu nối chỉ đến đồng hồ nước, cách xa khu vực sinh hoạt, người dân tự kéo thêm ống hoặc sử dụng nước tại van sau đồng hồ; công tác tuyên truyền vận động người dân đầu tư thêm đường ống dẫn vào nhà, lắp đặt bồn chứa chưa được chính quyền quan tâm, người dân sử dụng trực tiếp tại đồng hồ, nguồn nước không ổn định,... làm giảm hiệu quả đầu tư công trình⁽¹⁶⁾.

** Đối với các công trình do Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đầu tư quản lý, vận hành*

- Các công trình CNSNT được đầu tư hoàn thành, quyết toán bàn giao đưa vào sử dụng, đầu nối đến các hộ dân, tuy nhiên việc tuyên truyền vận động người dân sử dụng, đóng tiền nước còn khó khăn (*tỷ lệ hộ sử dụng nước đạt khoảng 55% số hộ đầu nối*), ảnh hưởng đến nguồn thu phục vụ cho công tác quản lý, vận hành và bảo trì công trình.

- Doanh thu tiền sử dụng nước và kinh phí ngân sách nhà nước cấp bù không đủ bù đắp các chi phí sản xuất nước sạch, chi phí khấu hao công trình và công tác quản lý vận hành công trình, do đó không đủ kinh phí để sửa chữa lớn hoặc mở rộng mạng lưới cấp nước sinh hoạt.

** Đối với các công trình CNSNT trên địa bàn tỉnh nói chung.*

- Nhiều công trình CNSNT đã hư hỏng, xuống cấp không hoạt động hoặc hoạt động kém hiệu quả; kinh phí bảo trì hàng năm không được bố trí hoặc bố trí rất ít không đủ để duy tu, sửa chữa.

- Công tác quản lý, bảo vệ công trình CNSNT chưa được quan tâm, môi trường xung quanh công trình, nguồn cấp nước bị ô nhiễm, bồi lắng không đảm bảo nguồn cấp nước cho công trình.

⁽¹⁴⁾ Công trình cấp nước làng Khúc Loong tại xã Rờ Koi, huyện Sa Thầy. Công trình CNSH trung tâm xã Đăk Trăm, huyện Đăk Tô; Công trình cấp nước tại Thôn 2, Thôn 4 xã Đăk Pnê, huyện Kon Rẫy. Công trình cấp nước giếng khoan Thôn Kon Gung, Thôn Đăk Mút, xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà.

⁽¹⁵⁾ Qua giám sát thực tế:

Trên địa bàn huyện Đăk Tô có 02 công trình mới được bàn giao cho Trung tâm môi trường đô thị để quản lý, vận hành (công trình CNSH thôn 2, 3 xã Diên Bình; công trình CNSH trung tâm xã Đăk Trăm); còn 01 công trình chưa được bàn giao cho đơn vị quản lý (công trình CNSH thôn Đăk Chờ, Đăk Nu, Đăk Nô, Đăk Tăng xã Ngọc Tụ).

Trên địa bàn huyện Đăk Hà có 01 công trình đã bàn giao cho Trung tâm môi trường và dịch vụ đô thị huyện quản lý, tuy nhiên chưa đưa vào vận hành (Công trình cấp nước sinh hoạt thôn 1, 2, 3, 4 và 5 xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà).

⁽¹⁶⁾ Công trình tại xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô; Công trình tại xã Rờ Koi, huyện Sa Thầy.

- Tổ quản lý, vận hành công trình CNSNT được UBND các xã thành lập theo quy định, tuy nhiên chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm, hoạt động còn hình thức, không hiệu quả, hầu như chưa xây dựng được phương án giá nước và triển khai thu tiền nước; công tác quản lý, lập sổ sách kế toán chưa thực hiện đúng theo Sổ tay hướng dẫn⁽¹⁷⁾.

- Công tác kiểm tra định kỳ chất lượng nguồn nước tại các công trình CNSNT do UBND xã quản lý chưa được thực hiện đúng theo quy định. Việc kiểm tra chất lượng nước định kỳ chỉ thực hiện đối với các công trình CNSNT do các đơn vị sự nghiệp công lập quản lý.

- Việc ban hành giá nước sạch theo thẩm quyền hiện nay chỉ mới có ở 03 đơn vị sự nghiệp công lập. Chính sách cấp bù giá nước và chuyển đổi mô hình quản lý nước sạch chưa được thực hiện. Qua giám sát thực tế tại các công trình cấp nước do UBND xã quản lý, chưa có mô hình quản lý, vận hành hoạt động hiệu quả.

2.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Quá trình chuẩn bị đầu tư chưa thực hiện tốt công tác khảo sát thiết kế, tham vấn ý kiến cộng đồng, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội; chưa phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt⁽¹⁸⁾; lựa chọn công nghệ cấp nước chưa phù hợp với điều kiện nguồn nước, các yếu tố về biến đổi khí hậu; công tác thẩm định dự án đầu tư của cơ quan chuyên môn còn thiếu chặt chẽ,... dẫn đến công trình không phát huy hết hiệu quả đầu tư.

- Hằng năm, kinh phí bảo trì công trình CNSNT chưa được quan tâm bố trí, nguồn thu cho công tác quản lý, vận hành, bảo trì công trình không có. Nhiều công trình CNSNT không được bảo trì, hư hỏng xuống cấp, không hoạt động hoặc hoạt động kém hiệu quả; các công trình không còn hoạt động nhưng chưa được xử lý theo quy định, dẫn đến việc đầu tư trùng lắp, gây lãng phí⁽¹⁹⁾.

- Việc lựa chọn đối tượng tham gia các Tổ quản lý, vận hành công trình chưa quan tâm đến các yếu tố, như: năng lực lập kế hoạch, quản lý, giám sát, đánh giá, kỹ thuật, kỹ năng tư vấn, quản lý vận hành,... chủ yếu lựa chọn các hộ gia đình gần công trình, già làng, thôn trưởng,...

- Hằng năm công tác tập huấn, hướng dẫn quản lý vận hành được tổ chức có sự tham gia của các thành viên của Tổ quản lý vận hành (*tổ chức 48 lớp*), mặc dù số lượng người tham gia đảm bảo quy định (*70% người tham gia/lớp*), tuy nhiên việc phổ biến, áp dụng, triển khai thực hiện tại các địa phương vẫn chưa đúng theo Sổ tay hướng dẫn quản lý công trình cấp nước nông thôn cấp xã do Tổng cục thủy lợi xây dựng.

⁽¹⁷⁾ Sổ tay hướng dẫn quản lý công trình cấp nước nông thôn cấp xã do Tổng cục thủy lợi xây dựng.

⁽¹⁸⁾ Công trình tại Thôn 4, xã Đăk Pnê, huyện Kon Rẫy.

⁽¹⁹⁾ Qua giám sát, một số địa phương báo cáo việc chậm trễ trong công tác thanh lý là vì hồ sơ công trình thất lạc; bên cạnh đó một số công trình đầu tư từ năm 2017 chưa khấu hao hết giá trị tài sản nên không thanh lý được.

- Hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động người dân trong việc sử dụng nước sinh hoạt, bảo vệ nguồn nước, tài sản nhà nước, thực hiện cam kết ban đầu,... là chưa cao; chưa tạo hiệu quả tích cực, thay đổi nếp nghĩ trong nhân dân.

- Sự phối hợp giữa các Sở, ngành và UBND cấp huyện, giữa các phòng ban cấp huyện và UBND cấp xã trong công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn trong việc quản lý, vận hành công trình cấp nước chưa thường xuyên. Chưa gắn được trách nhiệm của đơn vị chủ đầu tư sau khi công trình được đưa vào vận hành, khai thác sử dụng.

- Trách nhiệm quản lý nhà nước từ cấp tỉnh đến huyện trong lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn chưa được quan tâm, phát huy vai trò theo quy định. Việc phối hợp giữa các cấp, ngành và địa phương thiếu chặt chẽ, đồng bộ⁽²⁰⁾. Việc quy hoạch công trình CNSNT, thiếu sự kết nối mạng lưới cấp nước nông thôn và đô thị, chưa quan tâm đến yếu tố biến đổi khí hậu.

- Chưa xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động quản lý, khai thác công trình CNSNT để các đơn vị, địa phương có cơ sở xây dựng phương án giá nước sạch, thực hiện việc thu tiền sử dụng nước và cấp bù giá nước.

III. Đề xuất, kiến nghị

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, địa phương có liên quan một số nội dung sau:

1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành liên quan và các địa phương khẩn trương rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các công trình CNSNT trên địa bàn tỉnh; xác định khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý, vận hành khai thác, sử dụng, nhất là các công trình đầu tư từ nguồn vốn Ngân hàng Thế giới, kịp thời có giải pháp khắc phục, xử lý những tồn tại, hạn chế nói trên; gắn trách nhiệm giữa đầu tư và công tác quản lý, vận hành, kịp thời báo cáo cấp thẩm quyền tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Chỉ đạo các chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về công tác khảo sát thiết kế, lấy ý kiến tham vấn cộng đồng, người dân; đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, thống nhất lựa chọn công nghệ, thiết bị phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan xây dựng phương án giá nước sạch đảm bảo nguyên tắc tính đúng, tính đủ yếu tố chi phí sản xuất hợp lý, hợp lệ trong quá trình khai thác, sản xuất, phân phối, tiêu thụ; quyết định theo thẩm quyền lộ trình điều chỉnh giá nước sạch và giá bán lẻ nước sạch bình quân⁽²¹⁾, nghiên cứu

⁽²⁰⁾ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thành phố.

⁽²¹⁾ Quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt.

xây dựng và trình cấp thẩm quyền chính sách hỗ trợ về giá nước sạch⁽²²⁾ cho phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

- Ban hành quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn (*áp dụng cho công trình cấp nước tập trung và công trình cấp nước quy mô hộ gia đình*) phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Đồng thời chỉ đạo Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt đảm bảo quy định.

- Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm về việc thẩm định dự án đầu tư công trình CNSNT đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc đầu tư công trình CNSHT tại các huyện, thành phố, tránh để xảy ra tình trạng đầu tư trùng lặp, gây lãng phí.

- Chỉ đạo làm rõ trách nhiệm từng cơ quan, địa phương trong việc để xảy ra sai phạm, hoàn trả kinh phí đầu tư,... theo kết luận của thanh tra, kiểm toán, của Ngân hàng Thế giới.

- Chỉ đạo các Sở, ban ngành và địa phương sớm khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách chỉ ra; nghiêm túc triển khai thực hiện các đề xuất, kiến nghị qua giám sát đảm bảo theo quy định.

2. Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định về đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, mở rộng, sửa chữa các công trình cấp nước tập trung nông thôn theo Quy hoạch cấp nước nông thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung gắn với các công trình thủy lợi, hồ chứa đảm bảo ổn định nguồn nước cả về số lượng và chất lượng; đồng thời gắn với khai thác vận hành, đảm bảo an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu⁽²³⁾.

- Phối hợp, chỉ đạo đơn vị chuyên môn hướng dẫn UBND cấp xã (*địa phương được giao quản lý công trình cấp nước*) và đơn vị sự nghiệp công lập quản lý công trình cấp nước tại các huyện, thành phố lập phương án giá nước sạch trình cấp thẩm quyền theo quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt.

⁽²²⁾ Theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ về giá nước sạch phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương (điểm b Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 44/2021/TT-BTC).

⁽²³⁾ Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược quốc gia Nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Chỉ đạo, tăng cường các giải pháp nâng cao năng lực Tổ quản lý, vận hành các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn; lập phương án quản lý, vận hành công trình đảm bảo hiệu quả.

- Khẩn trương xây dựng định mức kinh tế, kỹ thuật trong hoạt động quản lý khai thác và vận hành các công trình CNSNT; đồng thời theo dõi, cập nhật Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh đảm bảo sát với thực tế.

- Phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan để quản lý, giám sát chất lượng nước sạch, nguồn nước và vệ sinh môi trường vùng thượng nguồn các công trình.

- Phối hợp với các huyện, thành phố trong công tác kiểm đếm số đầu nối đối với các công trình đầu tư từ nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định, đúng cam kết.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc Sở triển khai thực hiện theo đúng chức năng nhiệm vụ của đơn vị, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát theo đúng chức năng quản lý nhà nước trong hoạt động quản lý, vận hành của công trình nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, tham mưu giải pháp, phân cấp trong công tác quản lý, vận hành, khai thác các công trình CNSNT tập trung trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với quy định và tình hình thực tế của địa phương.

- Thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, quyền hạn được cấp thẩm quyền giao trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô VS&NSNT dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng Thế giới trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020.⁽²⁴⁾

3. Đối với Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và các đơn vị cấp nước trong công tác thẩm định phương án giá nước sạch theo quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan kiểm tra việc thực hiện quyết định giá nước sạch, thực hiện điều chỉnh giá theo lộ trình tại địa phương; tham mưu UBND tỉnh để xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh.

- Theo dõi, hướng dẫn các huyện, thành phố trong công tác xác lập quyền sở hữu đối với công trình CNSNT; thực hiện thanh lý các công trình theo đúng thẩm quyền quy định.

- Phối hợp với các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền hỗ trợ về giá nước sạch

⁽²⁴⁾ Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương, theo qui định Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

4. Đối với UBND các huyện, thành phố:

- Chỉ đạo các phòng ban, đơn vị quản lý công trình cấp nước trên địa bàn phối hợp với các Sở ngành chuyên môn trong quá trình kiểm tra, kiểm đếm đầu nối các công trình đầu tư từ nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới, đảm bảo thực hiện đúng cam kết. Sớm bàn giao, đưa vào vận hành, khai thác sử dụng các công trình cấp nước, đảm bảo hoạt động bền vững của công trình và phục vụ công tác kiểm đếm của Chương trình Mở rộng quy mô VS&NSNT dựa trên kết quả; chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư công trình và các cam kết với nhà tài trợ.

- Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung gắn với các công trình thủy lợi, hồ chứa đảm bảo ổn định nguồn nước cả về số lượng và chất lượng; đồng thời gắn với khai thác vận hành, đảm bảo an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Chỉ đạo UBND xã (*được giao quản lý công trình cấp nước*) nghiên cứu xây dựng phương án giá nước tiêu thụ và hình thức thu tiền theo quy định; lấy ý kiến người dân và đưa vào Hương ước, Quy ước, Quy chế của Thôn, làng để triển khai thực hiện đồng bộ chặt chẽ. Ghi thu, ghi chi sổ sách đúng theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch; tránh tình trạng sử dụng nước lãng phí.

- Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, vận động người dân trong việc sử dụng tài nguyên nước có hiệu quả; nâng cao ý thức bảo vệ môi trường xung quanh công trình CNSNT, bảo vệ tài sản, bảo vệ nguồn nước mặt, tránh gây ô nhiễm; tăng cường nạo vét đập đầu mối, đường dẫn nước,...

- Chỉ đạo các phòng ban liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị liên quan nghiên cứu xây dựng và ban hành Quy chế phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, vận hành các công trình nước sạch sinh hoạt trên địa bàn.

- Kiểm tra, rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động các công trình CNSNT xuống cấp, kém hiệu quả, hư hỏng; tính toán chi phí khấu hao từng công trình, báo cáo, tham mưu cấp thẩm quyền xử lý theo quy định. Kịp thời chỉ đạo khắc phục những vị trí nước chảy yếu, đường ống hư hỏng.

- Khẩn trương rà soát, thanh lý các công trình CNSNT hư hỏng, xuống cấp, ngừng hoạt động (*không thể khắc phục được*) trên địa bàn quản lý theo hướng dẫn tại Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 4/5/2013 và phân cấp tại Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh.

- Nâng cao trách nhiệm, vai trò của các Tổ quản lý, vận hành công trình CNSNT trên địa bàn; chú ý lựa chọn những người có kỹ năng, kỹ thuật; thường

xuyên đào tạo tập huấn, kiểm tra, giám sát. Nghiên cứu xây dựng và nhân rộng mô hình Tổ quản lý, vận hành hoạt động hiệu quả trên địa bàn các xã.

- Chỉ đạo phòng, ban liên quan tiếp tục phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh để được hướng dẫn trong việc quản lý, vận hành; tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến các công trình cấp nước đầu tư từ nguồn Ngân hàng Thế giới.

- Chỉ đạo rà soát, lấy ý kiến người dân tại các thôn làng thiếu nước sinh hoạt, đánh giá cụ thể để kịp thời xây dựng phương án đầu tư công trình CNSNT hoặc mở rộng đầu nối của công trình để đảm bảo nhu cầu sử dụng của người dân, nhất là những vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, khu vực thường xuyên bị hạn hán, khô cằn, ô nhiễm nguồn nước.

- Hằng năm bố trí, hỗ trợ kinh phí bảo trì các công trình CNSNT trên địa bàn; lồng ghép các nguồn vốn (*Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn vay Ngân hàng chính sách xã hội*) mở rộng đầu nối, trang bị bồn chứa nước, đầu tư thêm đường ống dẫn nước từ sau đồng hồ nước đến bồn chứa của mỗi hộ gia đình, tạo điều kiện để người dân sử dụng nước có hiệu quả.

- Lồng ghép nguồn vốn các Chương trình mục tiêu Quốc gia, vận động xã hội hóa đầu tư các công trình CNSNT, giếng đào,... trên địa bàn.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đầu tư xây dựng, công tác quản lý, vận hành và hiệu quả sử dụng các công trình nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, BKTNS.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**

Hồ Văn Đà